

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/ HNGĐ- ST

Ngày 22/8/2017

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Mùi

2. Ông Phương Quốc Luyện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Việt - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại Nhà văn hóa khu dân cư T, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2017/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017, Thông báo mở lại phiên tòa số 17/TB-TA ngày 16/8/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tạ Văn B, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu dân cư TG, phường B, thị xã C, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư TG, phường B, thị xã C, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, thị xã C, tỉnh Hải Dương; đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn và bị đơn trình bày: Anh B và chị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/02/2004 tại UBND xã K, thị xã C. Sau nhiều năm hòa thuận, anh chị có mâu thuẫn trầm

trọng từ tháng 12/2014. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh B nghi ngờ chị H quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác làm cho vợ chồng mất lòng tin và sự tôn trọng đối với nhau. Ngoài ra theo chị H trình bày, do anh B là người không có lập trường, mọi việc trong gia đình anh B đều nghe theo mẹ đẻ sắp đặt, kể cả những việc riêng tư của vợ chồng. Chị H không có quyền quyết định việc gì trong gia đình, kể cả việc chi tiêu sinh hoạt hằng ngày. Anh B thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu và đánh bạc, khi chị H có ý kiến thì anh B chửi bới, đánh đập chị. Từ tháng 8/2015, chị H đã về sống tại nhà mẹ đẻ ở thôn Đ, xã H, thị xã C. Anh B xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Chị H xác định vẫn còn tình cảm với anh B và vì mong muốn các con được sống chung với cả bố và mẹ nên không đồng ý ly hôn. Về quan hệ con chung: Anh B và chị H có hai con chung là Tạ Thị L, sinh ngày 18/5/2005 và Tạ Văn Tuấn A, sinh ngày 14/6/2011. Từ khi vợ chồng ly thân, cả hai con chung sống cùng chị H và ông bà ngoại. Nếu ly hôn, anh B yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu A, giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Anh B và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh B giữ nguyên yêu cầu ly hôn chị H. Về con chung, anh B đồng ý giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì các con đã ở ổn định với chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Tạ Văn B ly hôn chị Bùi Thị H. Về quan hệ con chung: Giao cả hai con chung của anh chị cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh Tạ Văn B khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn đối với chị Bùi Thị H có địa chỉ cư trú tại xã H, thị xã C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Bùi Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ

lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Văn B và chị Bùi Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 06/02/2004 tại UBND xã K, thị xã C nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh chị mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 12/2014. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Anh B nghi ngờ chị H có quan hệ ngoại tình, nên vợ chồng mất lòng tin và sự tôn trọng đối với nhau. Từ mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn giữa chị H và gia đình anh B căng thẳng. Từ tháng 8/2015 đến nay, anh B và chị H đã ly thân, không còn sống chung với nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Lý do chị H không đồng ý ly hôn vì xác định vẫn còn tình cảm với anh B và vì mong muốn các con được sống chung với cả bố và mẹ là lý do không chính đáng. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị H tham gia phiên hòa giải nhưng chị H không có mặt, gây khó khăn cho anh B. Xét trong thời gian sống chung, anh B và chị H có hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của anh B phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Từ khi anh B và chị H ly thân (tháng 8/2015) đến nay, cả hai con chung của anh chị sống cùng chị H, việc học tập và sinh hoạt của hai cháu đã ổn định. Cháu L đã học xong lớp 7, chuẩn bị lên lớp 8 Trường tiểu học xã H, thị xã C và có nguyện vọng ở cùng chị H; cháu A đã chuẩn bị vào học lớp 1. Hiện tại chị H làm công nhân may, thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 đồng/tháng, chị H và các con sống cùng bố mẹ đẻ của chị H. Trong thời gian qua, chị H chăm sóc và nuôi dạy các con tốt nên không cần thiết thay đổi môi trường sinh hoạt và học tập của cháu L và cháu A cũng đảm bảo quyền lợi và phù hợp nguyện vọng của các cháu. Tại phiên tòa, anh B đồng ý giao cả hai con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy cần tiếp tục giao các con chung của anh chị cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Anh B và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Anh B là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Văn B.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Tạ Văn B ly hôn chị Bùi Thị H.

- Quan hệ con chung: Xử giao hai con chung là Tạ Thị L, sinh ngày 18/5/2005 và Tạ Văn Tuấn A, sinh ngày 14/6/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

- Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Tạ Văn B phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0000140 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, anh B đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Chí Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Bắc An, thị xã Chí Linh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu